

PHẦN I: LUYỆN TỪ VÀ CÂU

A1: Mở rộng vốn từ: Nhân hậu - Đoàn kết

Bài 1: Tìm từ ngữ nói về:

- Thể hiện lòng nhân hậu, tình cảm yêu thương đồng loại.
- Thể hiện tính cách hay việc làm trái với lòng nhân hậu, yêu thương.
- Thể hiện tinh thần đùm bọc, giúp đỡ đồng loại.
- Thể hiện tính cách hay việc làm trái với đùm bọc, giúp đỡ.

Bài 2: Cho các từ sau: "nhân dân, nhân hậu, nhân ái, nhân tài, công nhân, nhân đức, nhân từ, nhân loại, nhân nghĩa, nhân quyền". Hãy xếp:

- Từ có tiếng "nhân" có nghĩa là người.
- Từ có tiếng "nhân" có nghĩa là lòng thương người.

Bài 3: Đặt câu với 1 từ ở nhóm a, 1 từ ở nhóm b nói trên.

Bài 4: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu có dùng sai từ có tiếng "nhân":

- Thời đại nào nước ta cũng có nhiều nhân tài.
- Nhân dân ta có truyền thống lao động cần cù.
- Bà tôi là người nhân hậu, thấy ai gặp khó khăn, bà thường hết lòng giúp đỡ.
- Cô giáo lớp tôi rất nhân tài.

Bài 5: Viết 2 thành ngữ (hoặc tục ngữ) vào chỗ trống:

- Nói về tình đoàn kết
- Nói về lòng nhân hậu.
- Trái với lòng nhân hậu.

Bài 6: Các câu dưới đây khuyên ta điều gì, chê điều gì?

- Ở hiền gặp lành.
- Trâu buộc ghét trâu ăn.
- Một cây làm chẳng nên non.
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Bài 7: Tìm 5 thành ngữ T, tục ngữ nói về đạo đức và lối sống lành mạnh, tốt đẹp của con người Việt Nam. Đặt câu với 1 thành ngữ vừa tìm.

Bài 8: Em hiểu nghĩa của các thành ngữ dưới đây như thế nào?

- Môi hở răng lạnh.
- Máu chảy ruột mềm.
- Nhường cơm sẻ áo.
- Lá lành đùm lá rách.

Giải nghĩa câu tục ngữ: "Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ".

B1: Từ đơn và từ phức

Bài 1: Tìm 1 từ đơn và 1 từ phức nói về lòng nhân hậu. Đặt câu với mỗi từ vừa tìm.

Bài 2: Tìm từ đơn, từ phức trong câu văn:

- a. Một người ăn xin già lợm khộm đứng ngay trước mặt tôi.
- b. Đôi mắt ông lão đỏ đốm và giàn giụa nước mắt.

Bài 3: a. Tìm từ đơn, từ phức trong các câu thơ sau:

"Đời cha ông với đời tôi
 Như con sông với chân trời đã xa
 Chỉ còn truyện cổ thiết tha
 Cho tôi nhận mặt ông cha của mình".

- b. Em hiểu như thế nào về nội dung 2 dòng thơ cuối.

Bài 4: Tìm 5 từ phức có tiếng "anh", 5 từ phức có tiếng "hùng" theo nghĩa của từng tiếng trong từ "anh hùng".

B2: Từ ghép và từ láy

Bài 1: Hãy xếp các từ phức sau thành hai loại: Từ ghép và từ láy: sừng sững, chung quanh, lưng cứng, hung dữ, mọc mọc, nhũn nhặn, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc, thanh cao, giản dị, chí khí.

Bài 2: a. Những từ nào là từ láy

Ngay ngắn	Ngay thẳng	Ngay đơ
Thẳng thắn	Thẳng tuột	Thẳng tấp

- b. Những từ nào không phải từ ghép?

Chân thành	Chân thật	Chân tình
Thật thà	Thật sự	Thật tình

Bài 3: Từ láy "xanh xao" dùng để tả màu sắc của đối tượng:

- a. da người
- b. lá cây còn non
- c. lá cây đã già
- d. trời.

Bài 4: Xếp các từ: chằm chọc, chằm chạp, mê mẩn, mong ngóng, nhỏ nhẹ, mong mỏi, phương hướng, vương vấn, tươi tắn vào 2 cột: từ ghép và từ láy.

Bài 5: a. Tạo 2 từ ghép có nghĩa phân loại, 2 từ ghép có nghĩa tổng hợp, 1 từ láy từ mỗi tiếng sau: nhỏ, sáng, lạnh.

- b. Tạo 1 từ ghép, 1 từ láy chỉ màu sắc từ mỗi tiếng sau: xanh, đỏ, trắng, vàng, đen.

Bài 6: Cho các từ: mãi miết, xa xôi, xa lạ, phẳng lặng, phẳng phiu, mong ngóng, mong mỏi, mơ mộng.

- a. Xếp những từ trên thành 2 nhóm: từ ghép, từ láy.
- b. Cho biết tên gọi của kiểu từ ghép và từ láy ở mỗi nhóm trên.

Bài 7: Cho đoạn văn sau:

"Đêm về khuya lặng gió. Sương phủ trắng mặt sông. Những bầy cá nhao lên đớp sương "tom tốp", lúc đầu còn loáng thoáng dần dần tiếng tũng toẵng xôn xao quanh mạn thuyền".

- a. Tìm những từ láy có trong đoạn văn.
- b. Phân loại các từ láy tìm được theo các kiểu từ láy đã học.

Bài 8: Xác định rõ 2 kiểu từ ghép đã học (từ ghép có nghĩa phân loại, từ ghép có nghĩa tổng hợp) trong các từ ghép sau: nóng bỏng, nóng ran, nóng nực, nóng giãy, lạnh buốt, lạnh ngắt, lạnh giá.

Bài 9: Tìm các từ láy có 2, 3, 4 tiếng

Bài 10: Em hãy ghép 5 tiếng sau thành 9 từ ghép thích hợp: thích, quý, yêu, thương, mến.

Bài 11: Xác định từ láy trong các dòng thơ sau và cho biết chúng thuộc vào loại từ láy nào:

Gió nâng tiếng hát chói chang
Long lanh lưỡi hái liềm ngang chân trời
Tay nhè nh? chút, người ơi
Trông đôi hạt rụng hạt rơi xót lòng.

Mảnh sân trăng lúa chất đầy
Vàng tuôn trong tiếng máy quay xập xình

Nắng già hạt gạo thơm ngon
Bụng lưng cơm trắng nắng còn thơm tho.

Bài 12: Tìm từ đơn, từ láy, từ ghép trong các câu:

a. Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới... Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi mà như nhảy nhót.

b. Chú chuồn chuồn nước tung cánh bay vọt lên. Cái bóng chú nhỏ xíu lướt nhanh trên mặt hồ. Mặt hồ trải rộng mênh mông và lặng sóng.

c. Ngoài đường, tiếng mưa rơi lộp độp, tiếng chân người chạy lép nhép.

d. Hằng năm, vào mùa xuân, tiết trời ấm áp, đồng bào Ê đê, Mơ-nông lại tung bừng mở hội đua voi.

e. Suối chảy róc rách.

Bài 13: Tìm từ láy trong đoạn văn sau:

Bản làng đã thức giấc. Đó đây, ánh lửa hồng bập bùng trên các bếp. Ngoài bờ ruộng đã có bước chân người đi, tiếng nói chuyện rì rầm, tiếng gọi nhau í ới.

Tầng sáng, vòm trời cao xanh mênh mông. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống thung lũng mát rượi.

Bài 14: Tìm những tiếng có thể kết hợp với "lẽ" để tạo thành từ ghép. Tìm từ cùng nghĩa và từ trái nghĩa với từ "lẽ phép".

Bài 15: Cho 1 số từ sau: thật thà, bạn bè, hư hỏng, san sẻ, bạn học, chăm chỉ, gán bó, bạn đường, ngoan ngoãn, giúp đỡ, bạn đọc, khó khăn.

Hãy xếp các từ trên vào 3 nhóm:

a. Từ ghép tổng hợp.

b. Từ ghép phân loại.

c. Từ láy.

Bài 16: Trong bài: "Tre Việt Nam" nhà thơ Nguyễn Duy có viết:

"Bão bùng thân bọc lấy thân
Tay ôm, tay níu tre gần nhau thêm
Thương nhau tre chẳng ở riêng
Luỹ thành từ đó mà nên hỡi người".

Trong đoạn thơ trên, tác giả ca ngợi những phẩm chất nào của tre?

Tác giả đã dùng cách nói gì để ca ngợi những phẩm chất đó.

Bài 17: Phân các từ ghép sau thành 2 loại:

Học tập, học đòi, học hỏi, học vẹt, học gạo, học lỏm, học hành, anh cả, anh em, anh trai, anh rể, bạn học, bạn đọc, bạn đường.

A2: Mở rộng vốn từ: Trung thực - Tự trọng

Bài 1: a. Những từ nào cùng nghĩa với "trung thực"

ngay thẳng	bình tĩnh	thật thà	chân thành
thành thực	tự tin	chân thực	nhân đức

b. Những từ nào trái nghĩa với "trung thực"

độc ác	gian dối	lừa đảo	thô bạo
tò mò	nóng nảy	dối trá	xảo quyết

Bài 2: Những câu nào dùng đúng từ cùng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ "trung thực":

a. Kì kiểm tra cuối năm, Nam đã gian dối trong khi làm bài.

b. Tính tình của bạn tôi rất ngay thẳng.

c. Hoa đã chân thành nhận khuyết điểm trước lớp.

d. Bọn giặc rất xảo quyết, chúng vờ như ta ở phía trước, vừa chuẩn bị đánh úp quân ta sau lưng.

e. Chúng tôi xin thật thà cảm ơn quý khán giả.

Bài 3: Tìm các từ ghép và từ láy về tính trung thực của con người có chứa các tiếng sau đây:

a. Ngay b. Thẳng c. Thật

Đặt câu với mỗi từ vừa tìm được.

Bài 4: Trong số các thành ngữ dưới đây, thành ngữ nào nói về tính "trung thực" thành ngữ nào nói về tính "tự trọng"

a. Thẳng như ruột ngựa

g. Ăn ngay ở thẳng

b. Thật thà là cha quý quái

h. Khom lưng uốn gối

c. Cây ngay không sợ chết đứng

i. Vào luồn ra cúi

d. Giấy rách phải giữ lấy lề

h. Thuốc đắng dã tật

e. Đói cho sạch rách cho thơm.

Bài 5: a. Tìm 2 thành ngữ (hoặc tục ngữ) nói về tính trung thực

Tìm 2 thành ngữ (hoặc tục ngữ) nói về lòng tự trọng.

b. Đặt 1 câu trong đó có thành ngữ hoặc tục ngữ vừa tìm được.

Bài 6: Trong bài: "Việt Nam thân yêu" nhà thơ Nguyễn Đình Thi có viết:

"Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả rập rờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều".

Đọc đoạn thơ trên, em cảm nhận được những điều gì về đất nước Việt Nam.

B3: Danh từ

Bài 1: Xác định danh từ trong đoạn văn sau:

Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao! Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh.

Bài 2: Tìm các danh từ có trong đoạn thơ sau:

- a. Quê hương là cánh diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông.
- b. Bà đắp thành lập trại
Chống áp bức cường quyền
Nghe lời bà kêu gọi
Cả nước ta vùng lên.

Bài 3: Xác định các danh từ trong đoạn văn sau:

"Bản lũng đã thức giấc. Đó đây ánh lửa hồng bập bùng trên các bếp. Ngoài bờ ruộng đã có bước chân người đi, tiếng nói chuyện rì rầm tiếng gọi nhau í ới".

Bài 4: Tìm danh từ có trong câu văn sau:

Ngay thêm lặng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một đoàn quân danh dự đứng trang nghiêm.

Bài 5: Xác định từ loại của các từ: "niềm vui, nỗi buồn, cái đẹp, sự đau khổ" và tìm thêm các từ tương tự.

Bài 6: Tìm từ chỉ sự vật, chỉ hoạt động và chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ sau:

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.

A3: Mở rộng vốn từ: Ước mơ

Bài 1: Những từ nào cùng nghĩa với từ "Ước mơ"

- | | | |
|-------------|---------------|------------|
| a. mong ước | d. mơ | h. ước ao |
| b. mơ ước | e. ước nguyện | i. mơ màng |
| c. mơ tưởng | g. mơ mộng | |